

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

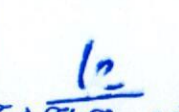
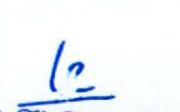
Môn học: **Trang bị điện trong máy cắt kim loại (228197) - Nhóm 07**

CBGD: **Đào Thanh Tâm (280037)**

Số SV có mặt: 15.....

Số bài thi: 15.....

Số tờ giấy thi: 15.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Đào Thanh Tâm	 Trần Thị Thanh Lê	 Đào Thanh Tâm	 Trần Thị Thanh Lê

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121140019	NGUYỄN THẾ DU	03/04/2003	CCQ2114A				7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2118140066	LÊ HOÀNG ĐỨC	10/08/2000	CCQ1814B				7,0	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121140006	NGUYỄN NGỌC HIỀN	18/03/2003	CCQ2114A				7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2118030017	VŨ HUY HOÀNG	30/06/2000	CCQ1803A				7,0	6,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121140029	NGUYỄN THANH HỒ	29/08/2003	CCQ2114A				6,5	7,0	6,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121140023	NGUYỄN QUỐC HUY	27/12/2003	CCQ2114A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121140036	THÂN ĐỨC TRƯỜNG	19/03/2003	CCQ2114A				6,0	7,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121140030	BÙI LÊ TUẤN	01/08/2003	CCQ2114A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121140014	TRẦN QUỐC KHÁNH	02/09/2003	CCQ2114A				7,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121140015	PHẠM MINH KHÔI	05/11/2003	CCQ2114A				7,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121140020	NGUYỄN DUY KIỀU	04/08/2003	CCQ2114A				7,0	6,5	6,7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121140003	NGUYỄN NGỌC LÂM	20/10/2003	CCQ2114A				8,5	8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2121140028	NGUYỄN PHI LONG	25/06/2003	CCQ2114A				7,5	6,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121140001	NGUYỄN HỒNG NGUYỄN	10/06/2003	CCQ2114A				7,0	6,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121140024	NGUYỄN THANH NHÀN	28/05/2003	CCQ2114A				6,5	7,5	7,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121140027	NGUYỄN CÔNG NHỆ	26/08/2003	CCQ2114A				7,5	8,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2118030311	NGUYỄN THANH PHONG	10/05/2000	CCQ1803E							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2118140038	NGUYỄN TRỌNG TÂN	08/07/2000	CCQ1814A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120030026	DƯƠNG TRÍ THÀNH	28/07/1996	CCQ2003A							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2118030129	NGUYỄN XUÂN VĨ	23/02/2000	CCQ1803B				7,0	6,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9